

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2026/DS-ST

Ngày: 26/02/2026

V/v “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Tấn Triều**.

2. Bà **Nguyễn Ngọc Liên**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Anh Duy**, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 620/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 189/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Ông **Lưu Hoàng Đ**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Ấp G, chợ Đ1, xã A, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Huỳnh Trung K**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Tổ C, khóm T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông **Phạm Chí E**, sinh năm 1964 và bà **Trần Thị Mỹ T**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số A, đường H, phường N, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên hệ: Số I, đường H, phường N, thành phố Cần Thơ.

(Đại diện nguyên đơn ông K có mặt, bị đơn ông E, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Đại diện nguyên đơn là ông Huỳnh Trung K trình bày:**

Ngày 23/5/2023 ông Lưu Hoàng Đ có cho ông Phạm Chí E, bà Trần Thị Mỹ T vay số tiền 450.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận, để làm vốn kinh doanh. Từ khi vay đến nay, ông E và bà T không trả vốn và lãi cho ông Đ. Nay, yêu cầu ông E và bà T trả cho ông Đ số tiền vốn và lãi tính đến ngày 22/01/2026 là 569.520.000 đồng (gồm nợ gốc 450.000.000 đồng, nợ lãi 119.520.000 đồng) và tiếp tục trả lãi theo quy định pháp luật cho đến khi tất nợ.

Về phía bị đơn ông Phạm Chí E và bà Trần Thị Mỹ T: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông E, bà T vắng

mặt. Theo xác nhận của Công an phường N ngày 30/10/2025 thì “Ông **Phạm Chí E**, sinh năm 1964 và bà **Trần Thị Mỹ T**, sinh năm 1966 đang sinh sống tại số I, đường H, phường N, thành phố Cần Thơ”.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông E, bà T vắng mặt. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và niêm yết tại địa phương nên Tòa án thực hiện việc xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay,

Đại diện nguyên đơn ông K yêu cầu bị đơn ông E, bà C trả số tiền vốn và lãi tính đến ngày 26/02/2026 là 573.628.500 đồng (gồm nợ gốc là 450.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 26/02/2026 là 123.628.500 đồng).

Phía bị đơn ông Phạm Chí E và bà Trần Thị Mỹ T vẫn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay nên đây là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa cá nhân với cá nhân được pháp luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn đang sinh sống tại địa chỉ số I, đường H, phường N, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt, Tòa án đã thực hiện niêm yết và tổng đạt đối với bị đơn theo quy định. Do đó, Tòa án thực hiện xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Nguyên đơn ông Lưu Hoàng Đ yêu cầu ông Phạm Chí E, bà Trần Thị Mỹ T trả số tiền vay là 450.000.000 đồng và lãi từ khi vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 573.628.500 đồng (gồm nợ gốc là 450.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 26/02/2026 là 123.628.500 đồng).

Xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp là (bản chính) Giấy mượn tiền ngày 23//2023.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ giấy mượn tiền ngày 23/5/2023 thì ông Đ có cho ông E, bà T mượn số tiền 450.000.000 đồng, thời hạn cho mượn là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất do các bên thỏa thuận đúng quy định pháp luật từ ngày nhận mượn tiền. Xét thấy, tuy các bên ghi là mượn tiền nhưng thật chất đây là hợp đồng vay tài sản có lãi suất theo quy định pháp luật.

Ông K cho rằng từ khi vay đến nay, ông E và bà T không trả vốn và lãi cho ông Đ.

Tòa án đã triệu tập nhưng ông E, bà T không đến tham dự phiên tòa và không cung cấp chứng cứ chứng minh ông E, bà T đã trả vốn và lãi cho ông Đ.

Nay, ông K đại diện ông Đ yêu cầu ông E, bà T trả số tiền vốn và lãi là 573.628.500 đồng.

Xét thấy, căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì:

Mức lãi là 0.83%/tháng x 450.000.000 đồng x 02 năm 09 tháng 03 ngày = 123.628.500 đồng.

Vốn và lãi là: 450.000.000 đồng + 123.628.500 đồng = 573.628.500 đồng.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí. Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Ông E là người cao tuổi nên được miễn án phí, bà T phải nộp $\frac{1}{2}$ án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được thực hiện theo quy định tại 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 180, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Hoàng Đ.

Buộc ông Phạm Chí E, bà Trần Thị Mỹ T trả cho ông Lưu Hoàng Đ số tiền vốn và lãi là: 573.628.500 đồng (*Năm trăm bảy mươi ba triệu sáu trăm hai mươi tám ngàn năm trăm đồng*), khi án có hiệu lực pháp luật.

Cách thanh toán do các đương sự tự thỏa thuận hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Trong trường hợp người có nghĩa vụ chậm thi hành khoản tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

2/ *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Nguyên đơn ông Lưu Hoàng Đ được nhận lại số tiền 13.073.000 đồng (*Mười ba triệu không trăm bảy mươi ba ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0011222 ngày 01/12/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Bị đơn ông Phạm Chí E là người cao tuổi nên được miễn án phí. Bị đơn bà Trần Thị Mỹ T phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí dân sự sơ thẩm là 13.472.570 đồng (*Mười ba triệu bốn trăm bảy mươi hai ngàn năm trăm bảy mươi đồng*), nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3/ Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

*Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND KV1 – Cần Thơ;
- Phòng THADS KV1 – Cần Thơ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hà